TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2025
Về việc tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Tuyết Mai;

2. Ông Võ Minh Quang.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 580/2024/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 21/01/2025.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 05/11/2024, bản tự khai ngày 21/11/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà C và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 1986 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B vào năm 2002. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng

đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T cờ bạc, rượu chè, nhiều lần nợ nần, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 28/3/1989, Nguyễn Thị Kiều T1, sinh ngày 26/4/1992. Con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xét đến.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận.

- *Về nợ chung:* Không có.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 21/11/2024 và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn T khai như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà C và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau năm 1986 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B vào năm 2002. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cũng có cự cãi nhưng ông không có cờ bạc, nợ nần như bà C trình bày. Tại phiên tòa, ông không đồng ý ly hôn vì chưa thỏa thuận xong tài sản chung với bà C, khi nào thỏa thuận xong rồi mới đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 28/3/1989, Nguyễn Thị Kiều T1, sinh ngày 26/4/1992. Con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xét đến.

- *Về tài sản chung:* Trước đây, tại phiên hòa giải 21/11/2024, ông T có ý kiến sẽ làm Đơn yêu cầu chia tài sản chung nếu không thỏa thuận được việc chia tài sản chung nhưng đến nay vẫn chưa làm đơn yêu cầu chia tài sản chung.

- *Về nợ chung:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp R, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Tại phiên tòa, bà Lê Thị C vắng mặt và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 21/01/2025. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà C và ông T cưới nhau vào năm 1986 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 15 tháng 4 năm 2002 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T được công nhận hợp pháp.

Nay, bà C yêu cầu ly hôn ông T không đồng ý vì chưa thỏa thuận xong tài sản chung. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bà C, ông T trong quá trình giải quyết vụ án, đều xác định được cuộc sống vợ chồng của ông bà đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 02/2021, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Toà án đã tiến hành mời bà C và ông T để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T vắng mặt phiên hòa giải không lý do, tại phiên tòa, bà C cũng xin xét xử vắng mặt, điều đó cho thấy ông T, bà C đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Vậy, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà C và ông T đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó cũng chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong quá trình sống chung giữa bà C và ông T có 02 chung tên là Nguyễn Văn L, sinh ngày 28/3/1989, Nguyễn Thị Kiều T1, sinh ngày 26/4/1992. Các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về tài sản chung: Trước đây, tại phiên hòa giải ngày 21/11/2024, ông Nguyễn Văn T có ý kiến sẽ làm Đơn yêu cầu chia tài sản chung với bà Lê Thị C nhưng đến nay vẫn chưa làm Đơn khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/01/2025 và tống đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Văn T. Căn cứ vào khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Nguyễn Văn T phải làm Đơn yêu cầu chia tài sản nộp cho Tòa án trước ngày 21/01/2025 nhưng đến nay ông Nguyễn Văn T vẫn không có Đơn yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến yêu cầu này của ông Nguyễn Văn T là phù hợp quy định và việc này cũng không làm mất đi quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của ông T, ông T có thể khởi kiện bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

[7] Về nợ chung: Các bên khai không có nên không xét đến.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 3, các Điều 51, 56, 57, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị C đối với ông Nguyễn Văn T. Cho ly hôn giữa bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 15 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Các bên khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006883 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy, bà Lê Thị C đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Phú Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ